

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:18/2023/HSST

Ngày 28-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 đối với:

1. Bị cáo: **TRIỆU THỊ P1**, sinh ngày: 22/11/1979; tại: Phú Thọ; nơi ĐKNKTT + chỗ ở hiện nay: Khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ nghề nghiệp:Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ quốc tịch: Việt Nam;tôn giáo: Không; con ông: Triệu Quang M, sinh năm 1945 (Đã chết); con bà: Bùi Thị T, sinh năm 1945 (Đã chết); Chồng: Phan Trọng H, sinh năm 1968; con: có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 129/2017/HSST ngày 29/8/2017 của TAND thành phố Việt Trì bị xử phạt **15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)** về tội “Đánh bạc”. Nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 29/8/2017. Nộp **15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng)** tiền xử phạt ngày 31/8/2017 (Đã được xóa án tích); Bản án số 53/2019/HSST ngày 14/11/2019 của TAND huyện L xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo được giảm thời hạn 03 tháng và chấp Hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ ngày 26/02/2021. Nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 23/02/2020 (Đã được xóa án tích); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/12/2022 đến ngày 11/12/2022, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/12/2022 đến nay, hiện tại ngoại tại xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ chờ xử lý (Có mặt).

2. Bị cáo: **NGUYỄN VĂN Đ**, sinh ngày: 20/11/1990; tại:Phú Thọ; nơi ĐKNKTT + chỗ ở: Khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn S1, sinh năm 1969. (Đã chết); con bà: Khuất Thị C, sinh năm 1970; Vợ: Lê Thị Phương N, sinh năm 1990;con: Có 04 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/12/2022 đến ngày 11/12/2022, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/12/2022 đến nay, hiện tại ngoại tại xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

3. Bị cáo: **NGUYỄN XUÂN H1**, sinh ngày: 29/9/1978; tại:Phú Thọ; nơi ĐKNKTT + chỗ ở: Khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam;tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1934. (Đã chết); con bà: Khúc Thị S1, sinh năm 1946; Vợ: Hoàng Thị X, sinh năm 1984;Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/12/2022 đến ngày 11/12/2022, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/12/2022 đến nay, hiện tại ngoại tại xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

4. Bị cáo: **NGUYỄN THỊ L2**, sinh ngày: 26/10/1972 tại: Phú Thọ; nơi ĐKNKTT + chỗ ở hiện nay: Khu C1, xã N3, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp:Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam;tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn L4, sinh năm 1942 ;con bà: Nguyễn Thị X3, sinh năm 1944; chồng: Triệu Văn T4, sinh năm 1968; Con: Có 02 con, Lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994;Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/12/2022 đến ngày 11/12/2022, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/12/2022 đến nay, hiện tại ngoại tại xã N3, huyện L, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

5. Bị cáo: **NGUYỄN VĂN H3**, sinh ngày 12/02/1971; tại: Phú Thọ; nơi ĐKNKTT + chỗ ở: Khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp:Lao động tự do; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam;tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn Tuất (Đã chết); con bà: Trần Thị Lũng, sinh năm 1930; Vợ: Nguyễn Thị Hoàn, sinh năm 1975; con: có 02 con, đều sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ , tạm giam, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/01/2023 đến nay, hiện tại ngoại tại xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Nguyễn Thị S5, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu Đ1, xã N3, huyện L, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2/ Chị Lê Thị Thu D2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Khu 7, xã V, thành phố V1, tỉnh Phú Thọ (Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 16 giờ 05 phút ngày 08/12/2022, tại nH3 ở của Nguyễn Văn H3, sinh năm 1971 tại khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, tổ công tác Công an huyện P phát hiện bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức chơi sâm được thua bằng tiền gồm: Triệu Thị P1, sinh năm 1979, HKTT tại khu 9, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Thị L2, sinh năm 1972, HKTT tại khu C1, xã N3, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Xuân Hoà, sinh năm 1978, HKTT tại khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990, HKTT tại khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Tổ công tác đã lập biên bản bắt quả tang và thu giữ của Triệu Thị P1 1.040.000đ (một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tại túi áo khoác bên phải và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, gắn sim số 0365670479, số imei: 868289059596890; Nguyễn Thị L2 số tiền 1.390.000đ (một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) tại túi áo khoác bên trái, 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh gắn sim số 0365261498, số imei: 359372101154375, 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh, gắn sim số 0358067027 và 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh nâu, biển số 19S1- 359.94; Nguyễn Xuân Hoà 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) tại túi quần trước bên phải; 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) tại túi quần trước bên trái, 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng - trắng, gắn sim số 0384736819 và 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu xám - bạc, biển số 19K7-4293; Nguyễn Văn Đ 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại túi quần trước bên phải; 2.000.000đ (hai triệu đồng) tại túi quần trước bên trái, 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng - trắng, gắn sim số 0986653581; 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - đen, biển số 19L6-8391; Nguyễn Văn H3 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám - đen, gắn sim số 0397533785; 01 (một) chiếc chiếu cói hình chữ nhật kích thước 2,0m x 1,57m, có hoa văn màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, mặt sau mỗi quân bài có hoa văn màu xanh vàng, viền trắng.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận như sau:

Vào 10 giờ 53 phút ngày 08/12/2022, Nguyễn Văn Đ sử dụng điện thoại gắn sim số 0986653581 nhắn tin đến số thuê bao 0397533785 của Nguyễn Văn H3 hỏi về việc Nguyễn Thị L2 có sang nH3 H3 để đánh bạc không vì trước đó Nguyễn Thị L2, Nguyễn Văn Đ, Triệu Thị P1 và Nguyễn Văn Hòa đã từng đánh bạc một đến hai lần tại nH3 của Nguyễn Văn H3 thì H3 trả lời L2 có sang. Đến khoảng hơn 12 giờ cùng ngày thì Triệu Thị P1 và Nguyễn Thị L2 đến nH3 của H3, H3 nhắn tin cho Đ thông báo L2 và P1 đã đến, do không có tiền đánh bạc nên Đ hỏi vay tiền của H3 để đánh bạc thì H3 đồng ý. Khi Đ đến nH3 của H3, H3 mở tủ gỗ kê giữa gian khách (ngăn tủ bên trái từ cửa vào) lấy ra số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) đưa cho Đ vay để đánh bạc. Sau khi Hòa đến thì Đ lấy chiếc chiếu cói trong phòng ngủ của H3 trải ra nên phòng khách để Đ, L2, P1 và Hòa cùng nhau đánh bạc. H3 đưa bộ bài tú lơ khơ 52 (năm mươi hai) quân mà H3 mua sẵn từ trước để cho số người trên đánh bạc. Sau đó P1, L2, Hoà, Đ ngồi xuống chiếu thống nhất cách thức đánh bạc

dưới hình thức chơi sâm như sau: Người chơi sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 (năm mươi hai quân bài), rồi chia cho mỗi người chơi 10 quân bài. Bắt đầu vào ván chơi, mỗi người chơi đều có quyền hô sâm, ai hô sâm sẽ được quyền đánh đầu tiên, nếu đánh hết 10 lá bài mà không bị ai chặn (gọi là sâm) thì những người còn lại phải trả cho người thắng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Nếu không ai hô sâm thì quyền đánh là ngẫu nhiên, từ ván tiếp theo ai nhất sẽ được quyền chia bài và đánh trước. Khi người đầu tiên đánh hết bài thì những người còn lại coi như thua cuộc và tính số lá bài còn ở trên tay để trả tiền cho người thắng. Mỗi lá bài còn lại tương ứng với 10.000đ (mười nghìn đồng). Nếu người chơi nào chưa đánh được lá bài nào (gọi là treo) thì phải trả cho người thắng là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), ai thắng sâm sẽ bỏ ra 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) để đưa cho Nguyễn Văn H3, kết thúc canh bạc thì H3 sẽ lấy số tiền trên. H3 không trực tiếp tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem Hòa, Đ, L2 và P1 đánh bạc. Đến 16 giờ 05 phút cùng ngày, khi số người trên đang đánh bạc với nhau thì bị lực lượng Công an huyện P bắt quả tang như đã nêu trên.

Số tiền các đối tượng khai sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau:

- Triệu Thị P1 khai sử dụng 2.000.000đ (hai triệu đồng) bỏ xuống dưới chiếu, trước mặt để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang P1 đang thua bạc số tiền 960.000đ (chín trăm sáu mươi nghìn đồng) chỉ còn 1.040.000đ (một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), do hoảng sợ nên P1 đúc số tiền trên vào túi áo khoác bên phải.

- Nguyễn Thị L2 khai sử dụng 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) bỏ xuống dưới chiếu, trước mặt để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang L2 đang thua bạc số tiền là 410.000đ (bốn trăm mười nghìn đồng), chỉ còn 1.390.000đ (một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng), do hoảng sợ nên L2 đúc số tiền trên vào túi áo khoác bên trái.

- Nguyễn Xuân Hoà khai mang theo 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng). Hoà bỏ 2.000.000đ (hai triệu đồng) xuống dưới chiếu, trước mặt để đánh bạc, còn lại 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) Hoà đúc ở túi quần trước bên trái không sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang Hoà đang thắng bạc được 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), do hoảng sợ nên Hoà đúc toàn bộ số tiền đang sử dụng đánh bạc là 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng) vào túi quần trước bên phải.

- Nguyễn Văn Đ khai khi đến nhà Nguyễn Văn H3 không mang theo tiền. Đ vay của H3 5.000.000đ (năm triệu đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền này bỏ xuống dưới chiếu, trước mặt để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang Đ đang thua bạc mất 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), do hoảng sợ nên Đ đúc toàn bộ số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) đang sử dụng đánh bạc vào hai túi quần phía trước (bên trái và bên phải).

- Nguyễn Văn H3 khai cho Nguyễn Văn Đ vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để đánh bạc và không lấy lãi. Do chưa kết thúc canh bạc đã bị lực lượng Công an huyện P phát hiện bắt quả tang nên H3 chưa được cầm số tiền mỗi ván sâm các đối tượng đã bỏ ra cho H3.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo khai mang đi để đánh bạc là 12.000.000 (Mười hai triệu đồng). Tuy nhiên, thực tế khi bắt quả tang thu giữ tại nơi các bị cáo đánh bạc là 10.930.000đ (mười triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng), trong đó có 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Hòa khai không sử dụng vào việc đánh bạc. Nên số tiền sử dụng vào việc đánh bạc thực tế chỉ chứng minh được là 9.730.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 15/QĐ-VKS-PN ngày 08 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố các bị cáo Triệu Thị P1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng truy tố đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Triệu Thị P1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 (Đối với Triệu Thị P1); khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 (Đối với Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3); khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 (Đối với Nguyễn Thị L2); điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Thị P1 từ 21 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (Từ ngày 08/12/2022 đến ngày 11/12/2022) quy đổi thành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 20 tháng 21 ngày đến 23 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo P1.

Bị cáo Triệu Thị P1 phải có nghĩa vụ thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Giao bị cáo P1 cho UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ, giám sát, giáo dục và áp dụng công việc lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung vào ngân sách NH3 nước của các bị cáo Triệu Thị P1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ số tiền 9.730.000đ (*Chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân Hoà 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hành án.

- Tịch thu, tiêu hủy của: Nguyễn Văn H3 01 (một) chiếc chiếu cói hình chữ nhật kích thước 2,0m x 1,57m, có hoa văn màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, mặt sau mỗi quân bài có hoa văn màu xanh vàng, viền trắng; 01 sim số 0397533785; Triệu Thị P1 01 (một) sim số 0365670479; Nguyễn Thị L2 01(một) sim số 0365261498 và 01(một) sim số 0358067027; Nguyễn Xuân Hoà 01(một) sim số 0384736819; Nguyễn Văn Đ 01(một) sim số 0986653581;

- Tịch thu sung vào ngân sách NH3 nước của: Triệu Thị P1 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, số imei: 868289059596890; Nguyễn Thị L2 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh số imei: 359372101154375 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh, số imei 863068052327627; Nguyễn Xuân Hoà 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng - trắng, số imei 353332071524201; Nguyễn Văn Đ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng - trắng, số imei 352075060908098; Nguyễn Văn H3 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám - đen, số imei 353332076908383.

- Trả lại cho: Chị Nguyễn Thị Sang 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh nâu, biển số 19S1- 359.94; Nguyễn Xuân Hoà 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu xám - bạc, biển số 19K7-42932 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hành án; Chị Nguyễn Thị Thu Dung 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - đen, biển số 19L6-8391.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Triệu Thị P1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về Hành vi, quyết định tố tụng

của cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến Hành tố tụng đã được tổng đạt cho các bị cáo đúng thời hạn do pháp luật quy định. Do đó, các Hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng từ hơn 12 giờ đến 16 giờ 05 phút ngày 08/12/2022 tại nh3 ở của Nguyễn Văn H3 khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Triệu Thị P1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ, đã có Hành vi đánh bạc được thua bằng tiền với hình thức chơi sâm thì bị phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc với nhau là 9.730.000đ (Chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng). Nguyễn văn H3 mặc dù không trực tiếp ngồi đánh bạc cùng các bị cáo, nhưng H3 đã cho Đ vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để Đ đánh bạc với L2, P1, Hòa và H3 đã chuẩn bị bài cho các đối tượng, sử dụng nh3 của mình để đánh bạc nên H3 là đồng phạm với các bị cáo trên với vai trò là người giúp sức. Như vậy, Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm Hành chính về Hành vi này hoặc Hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa P1. Các bị cáo biết rõ Hành vi đánh bạc là Hành vi trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi cá nhân nên cần xử phạt nghiêm khắc để răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Triệu Thị P1, Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị L2 có bố là ông Nguyễn Văn Luật là người có công với cách mạng được chủ tịch nước tặng

huấn chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy không cần phải cách ly các bị cáo Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ ra khỏi đời sống chung xã hội mà cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo ngoài xã hội và áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo Triệu Thị P1 quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mẹ chồng bị cáo P1 là bà Nguyễn Thị Huê là người có công với cách mạng đã được tặng bằng khen tham gia trong cuộc kháng chiến chống thực dân pháp nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy không cần thiết phải ly bị cáo ra khỏi đời sống chung xã hội, mà cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục, dẫn đến bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo P1 là người lao động tự do không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 điều 321 Bộ luật hình sự quy định “người phạm tội có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”. Bị cáo Triệu Thị P1 lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng gì, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp. Các bị cáo Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền cơ quan điều tra thu của các bị cáo P1, Hòa , Đ, L2 sử dụng vào việc đánh bạc là 9.730.000đ là công cụ P1 tiện phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách NH3 nước.

- Cơ quan điều tra đã thu giữ: của Triệu Thị P1 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, gắn sim số 0365670479; của Nguyễn Thị L2 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh gắn sim số 0365261498 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh, gắn sim số 0358067027; của Nguyễn Xuân Hoà 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng - trắng, gắn sim số 0384736819; của Nguyễn Văn Đ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng - trắng, gắn sim số 0986653581; của Nguyễn Văn H3 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám - đen, gắn sim số 0397533785. Các bị cáo P1, Hòa , Đ, L2 đã sử dụng điện thoại của mình liên lạc rủ nhau đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ NH3 nước, còn các sim số điện thoại của các bị cáo không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Thị L2 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh nâu, biển số 19S1- 359.94 , chiếc xe này L2

mượn của chị Nguyễn Thị Sang, chị Sang không biết L2 mượn để đi đánh bạc do vậy cần trả lại chiếc xe này cho chị Nguyễn Thị Sang là Phù Hợp;

- Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Xuân Hoà 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu xám - bạc, biển số 19K7-42932 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hành án.

- Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - đen, biển số 19L6-8391, chiếc xe này là của chị Lê Thị Thu Dung, chị Dung không biết Đ mượn để đi đánh bạc do vậy cần trả lại chiếc xe này cho chị Lê Thị Thu Dung là Phù hợp.

- Cơ quan điều tra đã thu tại túi quần trước bên trái của Nguyễn Xuân Hòa 1.200.000 đồng là tiền riêng của bị cáo không dùng vào việc đánh bạc nên trả lại cho bị cáo Hòa nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hành án.

- Cơ quan điều tra thu của Nguyễn Văn H3 01 (một) chiếc chiếu cói hình chữ nhật kích thước 2,0m x 1,57m, có hoa văn màu đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, mặt sau mỗi quân bài có hoa văn màu xanh vàng, viền trắng đây là công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 (Đối với Triệu Thị P1); khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 (Đối với Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3); khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 (Đối với Nguyễn Thị L2); điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố các bị cáo Triệu Thị P1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Triệu Thị P1 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (Từ ngày 08/12/2022 đến ngày 11/12/2022) quy đổi tHành 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp Hành 20 (Hai mươi) tháng 21(Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi Hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo P1.

Bị cáo Triệu Thị P1 phải có nghĩa vụ thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục

vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Giao bị cáo P1 cho UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ, giám sát, giáo dục và áp dụng công việc lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo trong thời gian bị cáo chấp Hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi Hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) sung công quỹ NH3 nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung vào ngân sách NH3 nước của các bị cáo Triệu Thị P1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ số tiền 9.730.000đ (*Chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng*).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân Hòa 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hành án.

Số tiền 10.930.000đ (*Mười triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*) đang trong tài khoản tạm giữ số 3949.0.1053892.00000 của Chi cục thi Hành án dân sự huyện P mở tại kho bạc NH3 nước huyện P.

- Tịch thu, tiêu hủy của: Nguyễn Văn H3 01 (một) chiếc chiếu cói hình chữ nhật kích thước 2,0m x 1,57m, có hoa văn màu đỏ, đã qua sử dụng, 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, mặt sau mỗi quân bài có hoa văn màu xanh vàng, viền trắng và 01 (một) sim số 0397533785; Triệu Thị P1 01 (một) sim số 0365670479; Nguyễn Thị L2 01 (một) sim số 0365261498 và 01 (một) sim số 0358067027; Nguyễn Xuân Hoà 01 (một) sim số 0384736819; Nguyễn Văn Đ 01 (một) sim số 0986653581;

- Tịch thu sung vào ngân sách NH3 nước của: Triệu Thị P1 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16K, số imei: 868289059596890; Nguyễn Thị L2 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu xanh số imei: 359372101154375 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh, số imei 863068052327627; Nguyễn Xuân Hoà 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng - trắng, số imei 353332071524201; Nguyễn Văn Đ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng - trắng, số imei 352075060908098; Nguyễn Văn H3 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu xám - đen, số imei 353332076908383.

- Trả lại cho: Chị Nguyễn Thị Sang 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh nâu, biển số 19S1- 359.94 số, khung: RLHJF7935MZ063900, số máy: JF89E0408023; Nguyễn Xuân Hoà 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu xám - bạc, biển số 19K7-42932, số

khung: S3106Y016404, số máy: 3S31016404, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi Hành án; Chị Lê Thị Thu Dung 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ - đen, biển số 19L6-8391, số khung: RLHJC4318AY082358, số máy: JC43E1308212. Các xe máy trên đều đã qua sử dụng, trong cốp xe đều không có tài sản gì.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/3/2023 giữa cơ quan CSĐT Công an huyện P và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện P)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Triệu Thị P1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Xuân Hoà, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo;
- UBND xã P, P, Phú Thọ;
- UBND xã S, L, Phú Thọ.
- UBND xã N3, L, Phú Thọ.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Đào